TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2023/DS-PT
Ngày 20 – 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: *Bà* Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1.Ông Điệp Thanh T, sinh năm 1982 (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thu Y, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Điệp Thanh T và bà Nguyễn Thu Y, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Đỗ Ngọc H trình bày:

Ngày 12/12/2022 âm lịch, bà cho ông T và bà Y vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng, ông T và bà Y làm biên

nhận nợ với nhau. Ông T và bà Y đóng lãi được số tiền 36.000.000 đồng thì ngưng không không đóng lãi nữa.

Ngày 08/02/2021 âm lịch, bà có tham gia 02 chưng hụi do ông T và bà Y làm chủ, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khiu hụi một lần, dây hụi gồm 26 chưng. Hiện nay hụi đã mãn nhưng ông T và bà Y không trả tiền hụi cho bà, tổng 02 chưng hụi này ông T và bà Y nợ bà số tiền 195.000.000 đồng.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà Y trả cho bà số tiền vốn 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 1,66%/tháng từ ngày 12/12/2022 âm lịch đến ngày xét xử là 06 tháng 03 ngày với số tiền lãi là 60.756.000 đồng, bà đồng ý đối trừ số tiền ông T và bà Y đã trả lãi 36.000.000 đồng, còn lại 24.756.000 đồng và tiền hụi 195.000.000 đồng; tổng cộng 819.756.000 đồng.

- *Theo bà Nguyễn Thu Y trình bày*:

Bà thừa nhận có vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng, nợ tiền hụi 195.000.000 đồng, nhưng bà đã đóng lãi cho bà H số tiền 48.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà trả tiền thì bà đồng ý, nhưng bà đề nghị được trả dần do khi vay tiền không có quy định ngày trả và bà yêu cầu đối trừ tiền lãi theo quy định của pháp luật, do vợ chồng bà đã đóng lãi quá nhiều từ năm 2019 đến nay.

- *Theo ông Điệp Thanh T trình bày:*

Ông T thống nhất theo lời trình bày của bà Y.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc H. Buộc bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T trả cho bà Đỗ Ngọc H tổng số tiền 819.756.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 18/7/2023, bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T có đơn kháng cáo cho rằng không có giao dịch hụi với bà H, không nợ bà H số tiền hụi 195.000.000 đồng, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà Y và ông T trả cho bà H số tiền 600.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Bà Y, ông T không tranh luận.

Bà H không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa

đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T, giữ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T trả số tiền vay vốn 600.000.000 đồng, tiền lãi 60.756.000đồng nhưng đối trừ với số tiền lãi đã nhận 36.000.000đồng, còn lại 24.756.000đồng; tiền hụi 195.000.000 đồng. Tổng cộng là 819.756.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà Y và ông T trả cho bà H tổng số tiền 819.756.000 đồng. Bà Y và ông T có đơn kháng cáo cho rằng không có giao dịch hụi với bà H, không nợ bà H số tiền hụi 195.000.000đồng, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà Y, ông T trả cho bà H số tiền 600.000.000đồng. Xét kháng cáo của bà Y và ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại đơn kháng cáo của bà Y và ông T cho rằng không có giao dịch hụi với bà H, không nợ bà H số tiền hụi 195.000.000đồng. Khi hòa giải tại Tòa án, do đọc biên bản ông T bà Y nghe không rõ nên mới ký biên bản thừa nhận nợ bà H tiền hụi 195.000.000đồng.

[3] Xét các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thể hiện: Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 06/7/2023, bà Y thừa nhận có nợ bà H tiền hụi 195.000.000 đồng và đồng ý trả; ông T đồng ý với trình bày của bà Y. Đồng thời, bà Y cũng trình bày bà Y thanh toán lãi khoản tiền vay cho bà H bằng cách đóng tiền hụi thay cho bà H. Tại các Tờ tường trình của bà Y ngày 04/7/2023 và ngày 29/5/2023, bà Y thừa nhận nợ bà H tiền hụi 195.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2023, bà Y thừa nhận nợ bà H tiền vay vốn 600.000.000đồng, tiền lãi 42.000.000đồng, tiền hụi 195.000.000đồng; do điều kiện kinh tế khó khăn, xin 03 tháng trả dứt điểm tiền hụi và tiền lãi, số tiền 600.000.000đồng một năm sau trả đủ. Xét trình bày của bà Y tại phiên tòa sơ thẩm, tại Tờ tường trình ngày 04/7/2023 và ngày 29/5/2023, tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 là thống nhất với nhau, đều thừa nhận có nợ bà Hằng tiền hụi 195.000.000đồng. Do đó, kháng cáo của bà Y và ông T cho rằng không có giao dịch hụi với bà H, không nợ bà H số tiền hụi 195.000.000đồng, khi hòa giải tại Tòa án đọc biên bản ông T bà Y nghe không rõ nên mới ký biên bản thừa nhận nợ bà H tiền hụi 195.000.000đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Y và ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T trả cho bà Đỗ Ngọc H tổng số tiền 819.756.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà Y và ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T phải chịu 36.593.000 đồng. Bà Đỗ Ngọc H không phải chịu án phí. Ngày 09/5/2023, bà H đã dự nộp 18.540.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011167 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu Y và ông Điệp Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/7/2023, bà Y và ông T mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011348, 0011347 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập